TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1050/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 1041/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Đỗ T – Sinh năm: 1989; CCCD số: 001089000159 do Bộ C cấp ngày 20/05/2025.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: LK21 TTTM CT9, phường P, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Minh T1 – Sinh năm: 1992; CCCD số: 001192028403 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/04/2021.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ E, phường Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đỗ T và chị Nguyễn Minh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2015 tại UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chúng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược không hòa hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình và hai bên anh em hòa giải nhiều lần nhưng không được. Anh T, chị T1 xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T, chị T1 có 01 con chung Nguyễn Lâm B – sinh ngày 29/06/2016. Anh, chị thống nhất giao con Nguyễn Lâm B cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đỗ T và chị Nguyễn Minh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, chị T1 có 01 con chung Nguyễn Lâm B – sinh ngày 29/06/2016. Anh, chị thống nhất giao con Nguyễn Lâm B cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đỗ T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai số 0000982 ngày 13/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND KV3-HN;
- UBND phường Thành Công, quận Ba Đình (nay là phường Giảng Võ) thành phố Hà Nội.
- Phòng THA dân sự KV 3 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm